

Số: 56/GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 08/CVMT ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Công ty TNHH Huy FC Trường An và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3252/TTr-CCBVM ngày 26 tháng 7 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Huy FC Trường An địa chỉ tại số 9A đường C, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở FC Trường An (diện tích: 59.788,1 m<sup>2</sup>; quy mô 391 căn, dân số 1.564 người) tại thửa đất số 8, 240, 241, 328, tờ bản đồ số 30, 32, khu phố 6, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

## **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở FC Trường An (diện tích: 59.788,1 m<sup>2</sup>; quy mô 391 căn hộ, dân số 1.564 người).

1.2. Địa điểm hoạt động: tại thửa đất số 8, 240, 241, 328, tờ bản đồ số 30, 32, khu phố 6, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702918766 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3702918766 cấp ngày 07 tháng 10 năm 2020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án số 3235/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500).

- Tổng diện tích dự án: 59.788,1 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Khu nhà ở quy mô 391 căn, dân số 1.564 người.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.



**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Huy FC Trường An được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Công ty TNHH Huy FC Trường An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 7 năm 2022 đến ngày 27 tháng 7 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở FC Trường An (diện tích: 59.788,1 m<sup>2</sup>; quy mô 391 căn, dân số 1.564 người) tại thửa đất số 8, 240, 241, 328, tờ bản đồ số 30, 32, khu phố 6, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. *h*

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Huy FC Trường An;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND huyện Phú Giáo;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Ngọc6.

**GIÁM ĐỐC**



**Ngô Quang Sự**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .56.../GPMT-STNMT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh của dân cư với lưu lượng khoảng 58,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp ăn, nước thải tắm giặt với lưu lượng khoảng 136,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Nước Vàng, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**2.2. Vị trí xả nước thải:** 01 điểm tại suối Nước Vàng (cách dự án 230 m về hướng Đông Bắc).

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X (m) = 1251477,553; Y (m) = 616586,797.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 195 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (tương đương 8,125m<sup>3</sup>/giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý sẽ theo tuyến ống HDPE D200 dẫn vào cống thoát nước mưa bê tông cốt thép D1000 ngoài ranh dự án do Chủ dự án đầu tư trên đường hẻm 05, dài 234m đầu nối vào suối Nước Vàng nằm cách dự án 230m về phía Đông Bắc.

- Hình thức xả: tự chảy.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.**

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1), cụ thể như sau:**



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub>	Mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	Mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	Mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	Mg/l	5		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	Mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	Mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mg/l	5		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	Mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh của dân cư sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC D200 mm dẫn về bể tự hoại đặt ở phía sau mỗi nhà để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D200 ÷ D300 mm trên đường nội bộ của khu nhà ở dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 195 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp ăn, nước thải tắm giặt.... sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC D34 ÷ D100 mm trong các căn hộ sau đó theo đường ống uPVC đường kính D200 ÷ 300mm trên đường nội bộ của khu nhà ở dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 195 m<sup>3</sup>/ngày.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (thoát ra 01 điểm tại suối Nước Vàng cách dự án 230m về hướng Đông Bắc).

- Công suất thiết kế: 195 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

## **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2024.



## **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại suối Nước Vàng (cách dự án 230m về hướng Đông Bắc). Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X (m) = 1251477,553; Y (m) = 616586,797.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

## **2.3. Tần suất lấy mẫu**

### **2.3.1 Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình: 21 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (3 đợt, 7 ngày/đợt).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: mẫu tổ hợp tại bể thu gom và sau bồn lọc áp lực.

- Tần suất quan trắc: 7 ngày/lần.

- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, sunfua (H<sub>2</sub>S), amoni (tính theo N), nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>), Tổng Coliforms.

### **2.3.2 Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (3 đợt).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu nước thải: mẫu đơn tại bể thu gom và sau bồn lọc áp lực.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau bồn lọc áp lực trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>), Tổng Coliforms.

Chủ dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo phương án đấu nối vào mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56/GPMT-STNMT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Mùi phát sinh từ công trình xử lý nước thải.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải :**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Tại ống thải xả khí thải sau công trình xử lý khí thải (thu gom khí thải/mùi phát sinh từ các hạng mục của công trình hệ thống xử lý nước thải).

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , vĩ tuyến  $3^{\circ}$ ): X (m) = 1251160,525; Y (m) = 616445,419.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** 24.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K<sub>p</sub> = 1; K<sub>v</sub> = 0,8) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	6		
3	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	40		
4	Metyl Mercaptan (CH <sub>3</sub> HS)	mg/Nm <sup>3</sup>	15		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:**

Mùi hôi phát sinh từ các bể của công trình xử lý nước thải được thu gom bằng quạt hút công suất 1.000 m<sup>3</sup>/h qua đường ống dẫn phía trên công trình xử lý nước thải (đường kính 200mm, chiều cao 4m) dẫn về công trình xử lý khí thải.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Mùi phát sinh từ các bể của công trình xử lý nước thải → đường ống dẫn (D200mm, vật liệu inox 304) → quạt hút (1.000 m<sup>3</sup>/h) → tháp hấp phụ than hoạt tính (tháp hình trụ, D=0,7m; H=1,5m, vật liệu SUS 304) → thoát ra ngoài qua ống thoát (ống Inox 304, đường kính 200mm, cao 6m).

- Công suất thiết kế: 1.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính với khối lượng 138 kg/lần, tần suất thay thế 2 tháng/lần.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý, thay thế than hoạt tính cho hệ thống xử lý khí thải định kỳ 2 tháng/lần.

- Phân công người vận hành, quản lý thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý mùi hôi từ hệ thống xử lý mùi hôi và báo cáo thường xuyên tình trạng hoạt động của trang thiết bị cho ban giám đốc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2024.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): Tại ống thải xả khí thải từ hệ thống xử lý nước thải của dự án. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', vĩ độ chiếu 3<sup>0</sup>): X (m) = 1251160,525; Y (m) = 616445,419.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.



## **2.3. Tần suất lấy mẫu**

### **2.3.1 Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình: 21 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (3 đợt, 7 ngày/đợt).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu tổ hợp tại ống thải đầu vào và ống thải đầu ra.

- Tần suất quan trắc: 7 ngày/lần.

- Thông số quan trắc:  $H_2S$ ,  $NH_3$ , Metyl Mercaptan ( $CH_3SH$ ).

### **2.3.2 Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (3 đợt).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đầu vào và đầu ra tại ống thoát.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đặc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 03 mẫu khí thải đầu vào và 03 mẫu đơn khí thải đầu ra tại ống thoát trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý mùi hôi).

- Thông số quan trắc:  $H_2S$ ,  $NH_3$ , Metyl Mercaptan ( $CH_3SH$ ).

Chủ dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56.../GPMT-STNMT ngày 27 tháng 7.. năm 2022  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ: X (m) = 1251160,525; Y (m) = 616445,419 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.



- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56./GPMT-STNMT ngày 27 tháng 7 năm 2022  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát được Công ty quản lý theo chất thải nguy hại.

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	Rắn	240
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	1.800
3	Bao bì kim loại cứng dính hóa chất thải (bình xịt kiến, côn trùng, chai đựng thuốc BVTV...)	18 01 02	KS	Rắn	350
4	Bao bì nhựa cứng dính hóa chất thải (can, thùng chứa chất tẩy rửa, hóa chất...)	18 01 03	KS	Rắn	350
5	Bao bì mềm dính hóa chất thải (bao bì đựng phân bón...)	18 01 01	KS	Rắn	251
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	Rắn	600
7	Linh kiện, thiết bị điện tử	16 01 13	NH	Rắn	900
8	Các loại dầu, mỡ thải	16 01 08	NH	Lỏng	720
9	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	18 02 01	KS	Rắn	360
10	Chất tẩy rửa có thành phần nguy hại	16 01 10	KS	Rắn	1.452
11	Than hoạt tính đã qua sử dụng thải	12 01 04	NH	Rắn	1.188
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>					<b>8.211</b>



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải đô thị	12 06 10	9.920,7
2	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	31.280
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>41.200,7</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân, nhân viên làm việc tại khu chung cư, được phân loại thành nhóm: rác thải thực phẩm/hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa,...); rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 572.220 kg/năm và theo quy định, hướng dẫn của cơ quan chức năng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Thùng nhựa HDPE 240 lít, kích thước thước (dài x rộng x cao): 0,72 x 0,575 x 1,015 m = 0,42 m<sup>3</sup>.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa trong nhà (X (m) = 1251022,345; Y (m) = 616473.219, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3<sup>0</sup>).

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa chất thải trong nhà: 5m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Kích thước (dài x rộng): 2,5m x 2m = 5m<sup>2</sup>.

+ Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, sơn nước; mái lợp tole, nền đổ bê tông.

+ Tầng cao: 01 tầng; cao 3,45m.

+ Kho/khu vực lưu chứa dán bảng hiệu cảnh báo được chỉ dẫn rõ ràng. Mỗi loại chất thải được lưu trữ trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn ghi tên chất thải và mã chất thải theo đúng quy định.

+ Hệ thống thông gió của kho/ khu vực lưu chứa được thông gió trên mái đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió.

+ Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu giữ chất thải.



+ Mặt sàn trong kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại phải đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Điều 35 thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

Không trang bị do bùn phát sinh từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn (xây dựng kín, có nắp thao tác), định kỳ 3 tháng/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE 120 lít, kích thước (dài x rộng x cao):  $0,56 \times 0,465 \times 0,946 \text{ m} = 0,246 \text{ m}^3$ .

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí thùng rác dọc đường nội bộ khu nhà ở, khoảng cách giữa các thùng là 20 cm. Hàng ngày đơn vị thu gom rác địa phương sẽ tới thu gom và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

## **3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:**

Toàn bộ chất thải phát sinh tại dự án được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý (chủ dự án không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải theo quy định).

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho dự án và tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020; có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường



để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì Chủ dự án đầu tư, cơ sở.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56./GPMT-STNMT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm cải tạo tuyến cống đầu nối D1000 mm đi từ dự án ra suối Nước Vàng nằm bên mép lòng đường bên phải hẻm 05 hướng từ dự án ra suối Nước Vàng, đảm bảo thiết kế phân kết cấu hố ga và cống đảm bảo điều kiện chịu lực khi các phương tiện giao thông có tải trọng lớn đi qua. Đồng thời, tiến hành nạo vét, gia cố bờ suối Nước Vàng tại vị trí xả thải bằng bê tông đảm bảo không để xói mòn, sạt lở theo văn bản số 29/KT-TH ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc đầu nối thoát nước mưa thuộc dự án khu nhà ở FC Trường An, thị trấn Phước Vĩnh.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.